

Số: 21

Ngày 02/6/2025

Bản tin hàng tuần
phát hành ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 21 có các nội dung đáng chú ý sau:

- **Nghị định số 111/2025/NĐ-CP** sửa đổi, bổ sung một số điều của **Nghị định số 60/2021/NĐ-CP** về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.
- **Nghị định 110/2025/NĐ-CP** quy định cơ sở dữ liệu về phòng, chống bạo lực gia đình.
- **Thông tư 28/2025/TT-BTC** hướng dẫn mức chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng.
- Văn bản dự thảo: Luật Phòng bệnh.
- Mục Giải đáp pháp luật: Một số quy định mới về hóa đơn có hiệu lực từ ngày 1/6/2025.

Xin trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. CHIẾN LƯỢC TỔNG THỂ QUỐC GIA VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ VỚI CÁC ĐE DỌA AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG

Chiến lược tổng thể quốc gia về phòng ngừa và ứng phó với các đe dọa an ninh phi truyền thống đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 được ban hành kèm theo [Nghị quyết 147/NQ-CP](#) ngày 22/5/2025 của Chính phủ.

Mục tiêu hướng tới là tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong phòng ngừa, ứng phó với các đe dọa an ninh phi truyền thống; từng bước xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia có khả năng quản trị hiệu quả các đe dọa này, bảo đảm an toàn cho người dân và xã hội; tích cực, chủ động đưa ra ý tưởng, mô hình... để thúc đẩy hợp tác quốc tế và đóng góp thiết thực, trách nhiệm với cộng đồng quốc tế trong giải quyết các đe dọa an ninh phi truyền thống; góp phần phát triển đất nước bền vững, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Năm 2030, 100% địa bàn trọng điểm về các đe dọa an ninh phi truyền thống được bố trí hệ thống theo dõi, giám sát và cảnh báo sớm trong các lĩnh vực: địa chất, biến đổi khí hậu, môi trường, nguồn nước, năng lượng, y tế và phòng, chống tội phạm. Hình thành cơ sở dữ liệu liên quan các đe dọa an ninh phi truyền thống trong Trung tâm Dữ liệu quốc gia hướng đến hệ thống dữ liệu liên thông, đầy đủ, đồng bộ cả về chiều

dọc (từ trung ương xuống địa phương) và chiều ngang (liên bộ, liên ngành). Hình thành cơ chế điều hành ứng phó với các đe dọa an ninh phi truyền thống ở các cấp để điều phối các hoạt động ứng phó khi xảy ra các đe dọa ở cấp độ nghiêm trọng.

Trước năm 2045, có hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, phù hợp với luật pháp quốc tế; các chính sách về phòng ngừa, ứng phó với các đe dọa an ninh phi truyền thống được xây dựng đầy đủ, khả thi, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, với cơ chế thực thi nghiêm minh, nhất quán, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác phòng ngừa, ứng phó. Các phương án, kế hoạch, kịch bản khung ứng phó và xử lý các tình huống đe dọa an ninh phi truyền thống trên các lĩnh vực được vận hành trơn tru, đồng bộ, nhịp nhàng và hiệu quả. Có đủ hệ thống cơ sở hạ tầng lưỡng dụng và khả năng thích ứng linh hoạt nhằm hạn chế tác động của thảm họa, sự cố an ninh phi truyền thống. Có nguồn dự trữ đầy đủ đáp ứng mọi yêu cầu của hoạt động khắc phục, tái thiết và phát triển bình thường trở lại sau thảm họa, sự cố xảy ra trong nước và sẵn sàng phục vụ các hoạt động hợp tác quốc tế ứng phó, khắc phục các thảm họa, sự cố.

Để đạt các mục tiêu đề ra, Chiến lược xác định tám nhóm nhiệm vụ và giải pháp, trong đó có các nội dung về hình thành cơ chế điều hành, quản lý; hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật; nâng cao năng lực dự báo chiến lược, hiệu

quả quản lý nhà nước, kiểm soát rủi ro; thúc đẩy phát triển bền vững, huy động sức mạnh tổng hợp, toàn dân, toàn diện, xã hội hóa, tận dụng mọi nguồn lực; tăng cường công tác thông tin, truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng, xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn, diễn tập các kịch bản phòng ngừa, giảm nhẹ, cứu trợ, phục hồi, tái thiết và phát triển trong trường hợp, tình huống cụ thể; nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ; kết hợp với nghiên cứu phát triển, nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại; tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng ngừa, ứng phó với các đe dọa an ninh phi truyền thống.

2. SỬA ĐỔI CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Ngày 22/5/2025, Chính phủ ban hành [Nghị định số 111/2025/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của [Nghị định số 60/2021/NĐ-CP](#) ngày 21/6/2021 về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 7/7/2025 và áp dụng kể từ năm ngân sách 2025.

Về chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương, điều khoản sửa đổi nêu rõ trong thời gian Chính phủ chưa ban hành chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, đơn vị chi trả tiền lương theo

lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo lương và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công; chi tiền lương theo hợp đồng lao động (nếu có). Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bổ sung. Đơn vị chi tiền thưởng theo chế độ do Nhà nước quy định.

Nghị định làm rõ hơn vai trò, trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc xác định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, đồng thời hoàn thiện các quy định về giá dịch vụ, quyền tự chủ tài chính và cơ chế trích lập các quỹ.

Giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) và lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Trong đó, chi phí tiền lương được tính theo mức lương cơ sở, hệ số tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, phụ cấp và các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp lương hoặc tính theo mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ và các khoản đóng góp theo tiền lương; định mức lao động của các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Khấu hao tài sản cố định được trích theo pháp luật về tài sản công và lộ trình kết cấu chi phí khấu hao vào giá dịch vụ sự nghiệp công. Nếu cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định

mức chi phí (nếu có), giá dịch vụ được xác định theo pháp luật về giá.

Về trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi, mức trích tổng hai quỹ như sau: Đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên trích lập tối đa 2,5 tháng tiền lương và thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện trong năm; đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên trích lập tối đa 2 tháng tiền lương và thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện trong năm; đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên trích lập tối đa 1,5 tháng tiền lương và thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện trong năm.

3. CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Cơ sở dữ liệu về phòng, chống bạo lực gia đình được Chính phủ quy định tại [Nghị định 110/2025/NĐ-CP](#), ban hành ngày 21/5/2025.

Nghị định này quy định chi tiết Điều 43 của [Luật Phòng, chống bạo lực gia đình](#) về Cơ sở dữ liệu về phòng, chống bạo lực gia đình; trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, tạo lập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về phòng, chống bạo lực gia đình.

Cơ sở dữ liệu (CSDL) về phòng, chống bạo lực gia đình (BLGD) là tập hợp các thông tin về nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống BLGD theo quy định tại Điều 46 của [Luật Phòng, chống bạo lực gia đình](#).

Thông tin trong CSDL về phòng, chống BLGD được cơ quan có thẩm quyền cung cấp dưới dạng thông

điệp dữ liệu có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Thông tin trong CSDL về phòng, chống BLGD được kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Trung tâm dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác của cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, Trục liên thông văn bản quốc gia, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ, cấp tỉnh, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, được thể hiện dưới các hình thức thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Thông tin trong CSDL về phòng, chống BLGD là cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét áp dụng các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ người bị BLGD, xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong phòng, chống BLGD. Thông tin trong CSDL về phòng, chống BLGD được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp qua Cổng Thông tin về phòng, chống BLGD ở trung ương, địa phương có giá trị nghiên cứu, học tập, tham khảo.

Việc thu thập, tạo lập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, quản lý, khai thác, sử dụng CSDL về phòng, chống BLGD được thực hiện thống nhất trên toàn quốc thông qua phần mềm quản lý CSDL về phòng, chống BLGD. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức vận hành phần mềm quản lý này.

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cơ quan, tổ chức, cá nhân có

thể bị xử lý vi phạm hành chính, kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự nếu truy cập trái phép vào hệ thống CSDL về phòng, chống BLGD; làm sai lệch thông tin, thay đổi, xóa, hủy dữ liệu trái phép; tiết lộ thông tin đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trái quy định của pháp luật; sao chép thông tin trái phép, cung cấp thông tin sai lệch; hoặc cản trở quá trình vận hành ổn định, liên tục, thông suốt của CSDL về phòng, chống BLGD.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/7/2025.

4. ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO

Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025–2035, định hướng tới năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại [Quyết định số 1002/QĐ-TTg](#) ngày 24/5/2025.

Với quan điểm mở rộng đào tạo trình độ cao, chất lượng cao trong các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng về cơ cấu nhân lực của các lĩnh vực công nghệ cao; tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân tài trong các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ then chốt trực tiếp phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên, Đề án đặt mục tiêu chuẩn bị nguồn nhân lực STEM có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao đáp ứng nhu cầu mở rộng đầu tư phát triển các lĩnh vực công nghệ cao, trọng tâm là đội ngũ nhân lực tài năng có khả năng tham gia sâu vào công đoạn nghiên cứu và phát

triển công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên; tạo lợi thế cạnh tranh quốc gia trong thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới, góp phần chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế và phát triển bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh.

Đến năm 2030, tỷ lệ người theo học các ngành STEM đạt 35% ở mỗi trình độ đào tạo, trong đó ít nhất 2,5% thuộc các ngành khoa học cơ bản và 18% thuộc các ngành liên quan tới công nghệ số. Tất cả chương trình đào tạo cử nhân, kỹ sư và thạc sĩ thuộc khối ngành STEM được tích hợp kiến thức, kỹ năng phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo. Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông đạt 80 nghìn người/năm, trong đó ít nhất 10% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ. Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo đạt 8 nghìn người/năm, trong đó ít nhất 20% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

Giai đoạn 2030-2035, tỷ lệ người theo học các ngành STEM đạt 40% ở mỗi trình độ đào tạo, trong đó ít nhất 3% thuộc các ngành khoa học cơ bản và 20% thuộc các ngành liên quan tới công nghệ số. Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông đạt 100 nghìn người/năm, trong đó ít nhất 15% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ. Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo đạt 15 nghìn

người/năm, trong đó ít nhất 20% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ. Ít nhất 50 nhóm nghiên cứu mạnh được công nhận thuộc các lĩnh vực STEM, trong đó có 30 nhóm thuộc các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên; thứ hạng về công bố quốc tế trong các lĩnh vực STEM tiếp tục được cải thiện.

Định hướng tới năm 2045, nguồn nhân lực STEM trình độ cao, chất lượng cao trở thành lợi thế cạnh tranh cốt lõi của Việt Nam trong thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, nhất là các lĩnh vực công nghệ chiến lược; hệ thống giáo dục đại học Việt Nam được xếp vào nhóm hàng đầu khu vực châu Á trong đào tạo và nghiên cứu các ngành STEM, nhất là các ngành về công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và công nghệ sinh học.

Bên cạnh đó, Đề án đặt yêu cầu tạo đột phá trong đào tạo, bồi dưỡng nhân tài gắn với phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh trong các ngành khoa học cơ bản, các ngành kỹ thuật và công nghệ then chốt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên, các dự án trọng điểm quốc gia.

Để hiện thực hóa các mục tiêu đề ra, Đề án đưa ra sáu nhóm nhiệm vụ và giải pháp, gồm: Tăng cường chính sách đầu tư cho giáo dục STEM và hỗ trợ tài chính cho người học các ngành STEM; hoàn thiện và đẩy mạnh các chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút đội ngũ giảng viên giỏi; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ phục vụ đào tạo và nghiên cứu trong các cơ sở giáo dục đại

học; triển khai các chương trình đào tạo tài năng gắn kết với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu các ngành STEM, các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược; tăng cường huy động, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư.

5. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG NÒNG CỐT VÀ CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP AN NINH NÒNG CỐT

Nghị định 103/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định một số chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt và các chế độ, chính sách đối với người lao động trong những đơn vị này.

Đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt là doanh nghiệp, Nghị định quy định chính sách về đầu tư xây dựng; mua sắm vật tư và chuẩn bị các yếu tố bảo đảm, tổ chức nghiên cứu, sản xuất theo nhiệm vụ được giao; chuẩn bị yếu tố bảo đảm về tài chính và hỗ trợ khác; thuê và chi trả cho chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư; hỗ trợ mức đóng chênh lệch bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt không phải là doanh nghiệp, Nghị định quy định về đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công trình hạ tầng xã hội; ưu tiên bố trí ngân sách để xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, chế tạo trong lĩnh vực vật liệu má, sản phẩm công nghệ

cao, phát triển công nghệ nền, công nghệ lõi.

Nghị định quy định cụ thể chế độ, chính sách đối với người lao động tại cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt là doanh nghiệp (chính sách về tiền lương, phụ cấp đặc thù; hỗ trợ về lương, phụ cấp đặc thù khi doanh nghiệp không đảm bảo kết quả sản xuất, kinh doanh; chăm sóc sức khỏe đối với người lao động; chính sách đối với lao động nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi) và chính sách về tiền lương, phụ cấp đặc thù và thu nhập khác đối với người lao động tại cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt không phải là doanh nghiệp. Nghị định cũng quy định chính sách chung đối với người lao động tại cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt.

Ngoài ra, Nghị định xác định rõ chế độ, chính sách đối với chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sự tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh tại cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁ NHÂN THAM GIA PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ TÌNH NGUYỆN

Ngày 15/5/2025, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 105/2025/NĐ-CP](#) quy định chi tiết Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, trong đó có quy định về chế độ, chính sách đối cá nhân tham gia

phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

Theo [Điều 22 của Nghị định](#), cá nhân tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện đăng ký bằng văn bản với Công an cấp xã nơi cư trú. Công an cấp xã tiếp nhận văn bản đăng ký, xem xét, thông báo cho cá nhân đã đăng ký trước đó về việc tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện và lập danh sách gửi cơ quan, đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trực tiếp quản lý địa bàn.

Cá nhân tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện chịu sự điều hành, hướng dẫn, phân công, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của Công an cấp xã, cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Người tình nguyện được sử dụng trang thiết bị bảo hộ, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phù hợp với nội dung đăng ký tham gia; được tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Khi tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, người tình nguyện được hưởng tiền bồi dưỡng tối thiểu bằng 0,3 ngày lương tối thiểu vùng nếu thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ dưới 02 giờ; được hưởng tiền bồi dưỡng tối thiểu bằng 0,45 ngày lương tối thiểu vùng nếu thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ từ 02 giờ đến dưới 04 giờ. Nếu thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ từ 04 giờ trở lên hoặc chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ nhiều ngày thì cứ 04 giờ được hưởng

tiền bồi dưỡng tối thiểu bằng 0,6 ngày lương tối thiểu vùng. Nếu tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ vào ban đêm từ 22 giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau thì được tính gấp hai lần theo cách tính trên.

Khi tình nguyện tham gia mà bị tai nạn, bị thương, bị chết thì được hưởng chế độ, chính sách quy định tại [Điều 33 và Điều 34 của Nghị định](#).

VĂN BẢN CỦA CÁC BỘ

7. HƯỚNG DẪN MỨC CHI CHO CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Ngày 26/5/2025, Bộ Tài chính đã ban hành [Thông tư 28/2025/TT-BTC](#) hướng dẫn mức chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 [Nghị định 98/2023/NĐ-CP](#) của Chính phủ.

Mức chi khen thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho thành tích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (trừ danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng) thực hiện theo quy định tại mục 2 Chương V [Nghị định 98/2023/NĐ-CP](#).

Mức chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định liên quan.

Trích 20% trong tổng quỹ thi đua khen thưởng của từng cấp để chi tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến; học tập, trao đổi kinh nghiệm về thi đua, khen thưởng; kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan quản lý nhà nước và của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua;

tổ chức phát động, chỉ đạo triển khai; tiền công hợp xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của các Hội đồng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và [Nghị định số 98/2023/NĐ-CP](#); và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15/7/2025.

8. QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NGOÀI VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành sử dụng vốn Nhà nước ngoài vốn đầu tư công được quy định tại [Thông tư 27/2025/TT-BTC](#) ngày 22/5/2025 của Bộ Tài chính.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày ký, quy định quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án đầu tư, nhiệm vụ (dự án hoặc chi phí) chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch (sau đây gọi chung là dự án) sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công sau khi hoàn thành hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn theo văn bản cho phép dừng hoặc cho phép chấm dứt thực hiện của người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết định đầu tư.

Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công, bao gồm: Dự án sử dụng vốn chi thường xuyên

ngân sách nhà nước, dự án của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo Luật Ngân sách nhà nước; dự án sử dụng vốn vay do Chính phủ bảo lãnh theo Luật Quản lý nợ công; dự án của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; dự án sử dụng vốn nhà nước khác theo quy định pháp luật có liên quan; trừ dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quyết toán vốn đầu tư dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công sau khi hoàn thành hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân này áp dụng [Nghị định số 99/2021/NĐ-CP](#) và [Thông tư số 96/2021/TT-BTC](#) để thực hiện các nội dung, công việc liên quan đến quyết toán vốn đầu tư sau khi dự án hoàn thành hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn. Đáng lưu ý, các dự án này không phải báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành trong năm theo quy định tại Điều 48 [Nghị định số 99/2021/NĐ-CP](#).

Đối với các dự án đã nộp đầy đủ hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành trước 22/5/2025, việc quyết toán sẽ tiếp tục thực hiện theo quy định của người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư. Các dự án đã được thẩm tra hoặc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo văn bản quy định của người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư

thì không phải thẩm tra, phê duyệt lại theo Thông tư này.

9. TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH THUỐC KHÔNG KÊ ĐƠN

Theo [Thông tư 12/2025/TT-BYT](#) ngày 16/5/2025 của Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc và nguyên liệu làm thuốc, thuốc được phân loại là thuốc không kê đơn nếu đáp ứng 5 tiêu chí. Thứ nhất, thuốc phải được chứng minh là an toàn và có hiệu quả trong việc phòng ngừa, giảm nhẹ hoặc điều trị các bệnh; có độ an toàn rộng để an toàn cho sức khỏe người sử dụng; có độc tính thấp, trong quá trình bảo quản và khi vào trong cơ thể người không tạo ra các sản phẩm phân hủy có độc tính, không gây độc tính liên quan đến sinh sản, độc tính di truyền hoặc gây ung thư, không có tác dụng không mong muốn cần có sự giám sát, theo dõi của bác sĩ hoặc nhân viên y tế khi tự sử dụng thuốc theo tờ hướng dẫn sử dụng và không có tương tác với các thuốc thường dùng hoặc các thực phẩm mà có thể dẫn đến các phản ứng bất lợi nghiêm trọng. Thứ hai, thuốc được chỉ định trong điều trị ngắn hạn đối với các bệnh mà người bệnh có thể tự điều trị, không nhất thiết phải có sự kê đơn và theo dõi của nhân viên y tế. Thứ ba, thuốc ít có khả năng gây tình trạng lệ thuộc; ít có nguy cơ bị lạm dụng, sử dụng sai mục đích làm ảnh hưởng đến sự an toàn của người sử dụng; không làm che giấu các bệnh nghiêm trọng dẫn đến chậm trễ trong việc chẩn đoán và điều trị. Thứ tư, thuốc phải có dạng bào chế và đường dùng đơn giản mà người sử dụng có thể tự dùng mà không cần sự hỗ trợ kỹ thuật hoặc hướng dẫn của bác sĩ

hoặc nhân viên y tế; không có yêu cầu đặc biệt về điều kiện bảo quản, xử lý thuốc trước và sau khi sử dụng thuốc. Thứ năm, trong thành phần không chứa dược liệu thuộc Danh mục dược liệu độc do Bộ Y tế ban hành.

Thông tư 12/2025/TT-BYT cũng quy định về dữ liệu lâm sàng để bảo đảm an toàn, hiệu quả trong hồ sơ đăng ký thuốc và tiêu chí để xác định trường hợp miễn thử, miễn một số giai đoạn thử thuốc trên lâm sàng tại Việt Nam và thuốc phải yêu cầu thử lâm sàng giai đoạn 4; hồ sơ, thử

tục cấp, gia hạn, thay đổi, bổ sung, thu hồi giấy đăng ký lưu hành thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm, thuốc dược liệu và nguyên liệu làm thuốc dùng cho người tại Việt Nam; nguyên tắc phân loại thuốc không kê đơn; báo cáo an toàn, hiệu quả của thuốc sau khi được cấp giấy đăng ký lưu hành để triển khai hoạt động cảnh giác dược; nguyên tắc tổ chức, hoạt động của hội đồng, đơn vị thẩm định, chuyên gia thẩm định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

1. DỰ THẢO LUẬT PHÒNG BỆNH

Bộ Y tế đang dự thảo Luật Phòng bệnh nhằm kiểm soát tốt bệnh truyền nhiễm, nâng cao năng lực cho hệ thống phòng, chống bệnh truyền nhiễm; khống chế tốc độ gia tăng tiến tới làm giảm tỷ lệ người mắc bệnh tại cộng đồng, hạn chế tàn tật và tử vong sớm do mắc các bệnh không lây nhiễm.

Dự thảo Luật gồm 6 chương với 46 điều, quy định về phòng, chống bệnh truyền nhiễm; phòng, chống bệnh không lây nhiễm, các rối loạn sức khỏe tâm thần và các yếu tố nguy cơ khác; dinh dưỡng trong phòng bệnh và các điều kiện bảo đảm để phòng bệnh.

Dự thảo Luật đưa ra tổng thể các chính sách của Nhà nước về phòng bệnh và các nội dung về quản lý nhà nước về phòng bệnh, tập trung vào các chính sách của Nhà nước về thực hiện việc phòng bệnh

(bao gồm cả bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm...); ưu tiên trong hỗ trợ, khuyến khích các cá nhân, tổ chức tham gia phòng bệnh, các chính sách tạo nguồn lực để thực hiện công tác phòng bệnh...

Dự thảo Luật quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong hoạt động phòng bệnh, các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động phòng bệnh; đối tượng, nội dung, yêu cầu và hình thức thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng bệnh; trách nhiệm thông tin truyền thông về phòng bệnh và hợp tác quốc tế trong phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm.

So sánh với Luật hiện hành, dự thảo Luật bỏ quy định về danh mục cụ thể các bệnh truyền nhiễm mà chỉ quy định cách thức xác định nhóm bệnh truyền nhiễm và phân cấp cho Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chí

xác định phân loại nhóm bệnh truyền nhiễm và phân loại dịch bệnh truyền nhiễm theo khả năng kiểm soát, đồng thời bổ sung quy định phân loại và cấp độ dịch bệnh truyền nhiễm.

Cùng với việc sửa đổi nhiều quy định của Luật hiện hành, dự thảo Luật bổ sung các nội dung về bảo đảm dinh dưỡng trong phòng bệnh; phòng, chống các rối loạn sức khỏe tâm thần; phòng, chống bệnh không lây nhiễm; các điều kiện bảo đảm để phòng bệnh.

2. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỢP TÁC CÔNG TƯ TRONG LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

Nghị quyết được ban hành với mục đích mở rộng phạm vi áp dụng hợp tác công tư sang các lĩnh vực mới, phi truyền thống nhưng có tiềm năng tạo đột phá phát triển nhằm cụ thể hóa và triển khai nhất quán chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về mô hình “đầu tư công, quản trị tư; đầu tư tư, quản trị công”; thiết lập cơ chế hợp tác hài hòa, linh hoạt giữa Nhà nước và

doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa nguồn lực và hiệu quả đầu tư.

Theo dự thảo do Bộ Tài chính xây dựng, Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách về hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; hạ tầng số mới, dịch vụ số mới, dữ liệu; đào tạo nhân lực công nghệ số; phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Dự thảo Nghị quyết gồm các nội dung: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; xác định các loại hình công nghệ chiến lược, hạ tầng số mới, dịch vụ số mới, dữ liệu, đào tạo nhân lực công nghệ số đầu tư theo phương thức đối tác công tư, theo hình thức liên doanh, liên kết, các hình thức hợp tác khác; các loại hợp đồng PPP, trình tự, thủ tục thực hiện dự án PPP; cơ chế đặc thù về hỗ trợ, ưu đãi, bảo đảm đầu tư, chấp nhận rủi ro của Nhà nước đối với dự án PPP, trách nhiệm, nghĩa vụ của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP; các hình thức sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết và chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với dự án liên doanh, liên kết; các hình thức hợp tác công tư khác; trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngành bộ, địa phương; quy định chuyển tiếp và hiệu lực thi hành.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa?

Trả lời: Ngày 20/3/2025 Chính phủ đã ban hành [Nghị định 70/2025/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của [Nghị định](#)

[số 123/2020/NĐ-CP](#) ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1/6/2025.

Theo điểm a, khoản 6, Điều 1, [Nghị định số 70/2025/NĐ-CP](#), thời

điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa (bao gồm cả bán, chuyển nhượng tài sản công và bán hàng dự trữ quốc gia) là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Đối với xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu), thời điểm lập hóa đơn thương mại điện tử, hóa đơn giá trị gia tăng điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan.

2. Hỏi: Đối với cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn được xác định như thế nào?

Trả lời: Điểm a, khoản 6, Điều 1 của [Nghị định số 70/2025/NĐ-CP](#) quy định thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ (bao gồm cả cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền (không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp các dịch vụ: Kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng).

3. Hỏi: Thời điểm lập hóa đơn đối với các trường hợp bán hàng hóa,

cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng?

Trả lời: Theo điểm b, khoản 6, Điều 1, [Nghị định số 70/2025/NĐ-CP](#), thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với người mua.

Quy định này áp dụng đối với trường hợp cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không, hoạt động cung cấp điện (trừ đối tượng quy định tại điểm h, khoản 4, Điều 9 của [Nghị định 123/2020/NĐ-CP](#)), cung cấp dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, nước, dịch vụ truyền hình, dịch vụ quảng cáo truyền hình, dịch vụ thương mại điện tử, dịch vụ bưu chính và chuyển phát (bao gồm cả dịch vụ đại lý, dịch vụ thu hộ, chi hộ), dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng), dịch vụ logistic, dịch vụ công nghệ thông tin (trừ trường hợp quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 9 của [Nghị định 123/2020/NĐ-CP](#)) được bán theo kỳ nhất định, dịch vụ ngân hàng (trừ hoạt động cho vay), chuyển tiền quốc tế, dịch vụ chứng khoán, sổ số điện toán, thu phí sử dụng đường bộ giữa nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ thu phí và các trường hợp khác

theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Hỏi: *Xác định thời điểm ký số trên hóa đơn điện tử?*

Trả lời: Điểm c, khoản 7, Điều 1, [Nghị định số 70/2025/NĐ-CP](#) quy định thời điểm ký số trên hóa đơn điện tử là thời điểm người bán, người mua sử dụng chữ ký số để ký trên hóa đơn điện tử được hiển thị theo định dạng ngày, tháng, năm của năm dương lịch.

Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập có thời điểm ký số trên hóa đơn khác thời điểm lập hóa đơn thì thời điểm ký số và thời điểm gửi cơ quan thuế cấp mã đối với hóa đơn có mã của cơ quan thuế hoặc thời điểm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế đối với hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo kể từ thời điểm lập hóa đơn (trừ trường hợp gửi dữ liệu theo bảng tổng hợp quy định tại điểm a.1 khoản 3 Điều 22 của [Nghị định 123/2020/NĐ-CP](#))/.